

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 08 - 7- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và ông Nguyễn Hữu Lỗi.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2022/TLST- HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1991 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1963 và con bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại bản án số 50/2012/HSST ngày 29/8/2012 bị Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An, xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo (Đã được xoá án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an Thành phố G, tỉnh Đăk Nông (bị cáo được trích xuất về xét xử theo Công văn số 06/CV-TA ngày 24/6/2022); có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị Mỹ L; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, Thành phố G, tỉnh Đăk Nông (Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an Thành phố G, tỉnh Đăk Nông).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 08/12/2021, Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô hiệu Luvias, màu xanh trắng, Biển kiểm soát 48B- 38xx chở Trần Thị Mỹ L đi từ xã T, huyện Đ đến thành phố G. Khi đi đến khu vực Bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Hữu Đ nhìn thấy nhà chị Nguyễn Thị H công mở, gần cổng có 01 sạp bán thịt lợn cách cổng 02m, trên ghế có 01 túi xách màu nâu có dây đeo chéo, không có người trông coi, nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ điều khiển xe mô tô đi qua nhà chị H rồi quay xe lại dừng xe trước sân bê tông cách cổng khoảng 02m, L ngồi trên xe mô tô, Đ đi vào cổng nhà chị H quan sát không có người trông coi nên đi vào lấy túi xách để trên ghế đi ra treo trên xe mô tô rồi điều khiển xe đi về thành phố G. Khi đi đến khu vực ngã ba đường tránh đầu Thành phố G, Đ đi vào đường tránh đến ngã tư thứ nhất thì rẽ phải khoảng 100m đến đoạn đường thuộc tổ dân phố T, phường Q Thành phố G, tỉnh Đắk Nông, thì dừng xe, Đ lấy túi xách ra thì phát hiện bên trong có số tiền 12.800.000 đồng (gồm nhiều mệnh giá khác nhau) và 01 giấy chứng minh nhân dân. Đ cầm tiền đưa cho L số tiền 5.000.000 đồng, nhưng L không lấy nên Đ cho tiền vào túi quần rồi vứt túi xách cùng giấy chứng minh nhân dân vào bụi cỏ ven đường. Sau đó, Đ chở L đi vào trung tâm Thành phố G, Đ sử dụng tiền này để ăn uống, thuê nhà nghỉ. Đến sáng ngày 09/12/2021, Đ bắt xe đi Thành phố H tiêu xài cá nhân hết số tiền đã trộm cắp được.

Đối với 01 túi xách màu nâu có dây đeo chéo, quá trình điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 39/CTr-VKS ngày 08/6/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (viết tắt: BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tuyên bố Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng của vụ án: Không thu giữ được nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Về việc bồi thường thiệt hại: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Hữu Đ đồng ý bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 12.800.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại đơn yêu cầu bồi thường và các biên bản lấy lời khai bị hại chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.800.000 đồng và yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, chị H đã có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, lời khai không có sự thay đổi. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại nên xét thấy việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa đại diện VKS, bị cáo đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa. Căn cứ Điều 292 BLTTHS tiếp tục xét xử theo quy định.

[3] Bị cáo là người có đủ nhận thức pháp luật để biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động nên vào khoảng 10 giờ 20 phút ngày 08/12/2021, tại Bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Hữu Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 túi xách màu nâu có dây đeo chéo bên trong túi có số tiền 12.800.000 đồng của chị Nguyễn Thị H, số tiền bị cáo chiếm đoạt được đã dùng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Vì vậy, hành vi trên của bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

.....”

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người

khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, đã có hành vi lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, số tiền bị cáo trộm cắp là 12.800.000 đồng, năm 2012 bị cáo đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xoá án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học, sống lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án trộm cắp khác, mặc dù hành vi phạm tội sau được xét xử trước nhưng đây cũng được xem là bị cáo có nhân thân không tốt, nghề nghiệp không ổn định. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không phải phạm tội lần đầu nên bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, khi quyết định hình phạt giảm nhẹ phần nào cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta.

[6] Đối với Trần Thị Mỹ L, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định khi Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không bàn bạc, trao đổi với L. Khi Đ đi vào thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì L ngồi trên xe mô tô và không biết việc Đ đi vào để trộm cắp tài sản. Đ lấy tài sản và đi về Thành phố G lấy tiền ra thì L mới biết Đ trộm cắp tài sản. Do đó, không xem xét xử lý hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Đối với việc L biết Đ đã trộm cắp tài sản, có đủ điều kiện về thời gian nhưng không trình báo cho cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, căn cứ Điều 390 Bộ luật Hình sự thì hành vi của L không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm”.

[7] *Về bồi thường thiệt hại:* Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.800.000 đồng. Tại phiên tòa chị H vắng mặt. Tuy nhiên, khi được HĐXX công bố đơn yêu cầu bồi thường của bị hại và các biên bản lấy lời khai của chị H trong quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến gì. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ yêu cầu HĐXX chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 12.800.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Xét việc thỏa thuận này không trái pháp luật nên chấp nhận.

[8]. *Về vật chứng vụ án:* Không thu giữ được nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[9]. *Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Việc bồi thường thiệt hại:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 12.800.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Không thu giữ được nên không đặt ra vấn đề xử lý.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 640.000 đồng (*sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng VP27 CA tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSPA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

